

Số: 1789/BC-CDKTCN

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2021

A. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

- Tên: Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang.
- Địa chỉ trụ sở:
 - Trụ sở mới (Cơ sở 01): Đường N1, khu trường học đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông, xã Phước Đồng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
 - Trụ sở cũ (Cơ sở 01): 32 Trần Phú, Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Cơ quan chủ quản: Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa.
- Loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Công lập
- Năm thành lập:
 - Năm thành lập đầu tiên : 1962
 - Năm nâng cấp thành trường cao đẳng : 31/01/2007
 - Năm đổi tên trường : 15/9/2017
- Thông tin liên hệ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp:
 - Số điện thoại : 0258.3881139; Fax: 0258.3882333
 - Email : cdkten@khanhhoa.gov.vn
 - Website : [http:// www.cdktcnnt.edu.vn](http://www.cdktcnnt.edu.vn)
- Thông tin liên hệ của người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp phụ trách công tác kiểm định, bảo đảm chất lượng:

Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Email
Phan Mai Phương Duyên	P. Hiệu trưởng	0908.960.879	duyencdn@gmail.com

B. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Số lượng chương trình đào tạo thực hiện tự đánh giá:
 - + Chương trình nghề trọng điểm: 07 chương trình;
 - + Chương trình nghề không trọng điểm: 08 chương trình.
- Số lượng CTĐT tự đánh giá đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng:

+ Chương trình nghề trọng điểm: 07 chương trình;

+ Chương trình nghề không trọng điểm: 07 chương trình.

I. TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 07 NGHỀ TRỌNG ĐIỂM

1. Tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Cắt gọt kim loại (CGK):

- Trình độ: Cao đẳng;

- Cấp độ: Quốc tế.

1.1. Thời gian thực hiện tự đánh giá

a) Thời gian thực hiện tự đánh giá:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1	Công tác chuẩn bị		
1.1	03/5÷/07/5/2021	Thành lập các Hội đồng tự đánh giá chất lượng 15 CTĐT.	Nguyễn Thị Anh Thư Nguyễn Văn Lực.
1.2	08/5÷11/5/2021	- Lập kế hoạch phân công các nội dung, các hướng dẫn tự đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, thời gian hoàn thành. - Chuẩn bị và gửi các biểu mẫu đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn đến các đơn vị.	Phạm Minh Hoàng
1.3	12/5÷15/5/2021	Các đơn vị lập kế hoạch, phân công cụ thể họ tên từng thành viên phụ trách;	Trưởng các đơn vị
1.3	17/5/2021	Các đơn vị Gửi kế hoạch về cô Thư (phòng BĐCL-KT) để tổng hợp trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt.	Nguyễn Thị Anh Thư Nguyễn Văn Lực.
2	Thực hiện tự đánh giá chất lượng 15 CTĐT		
2.1	18/5÷26/7/2021	Các đơn vị thực hiện theo kế hoạch của đơn vị đã được ban hành: - Tổ chức thu thập, phân tích thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được; - Lập phiếu báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn gửi về trưởng đơn vị để tổng hợp; - Họp Hội đồng tự đánh giá lần 1;	Các cá nhân đã được phân công theo kế hoạch của đơn vị.

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
		- Hội đồng tự đánh giá tổ chức kiểm tra, đôn đốc.	
2.2	27/7÷31/7/2021	Trưởng các đơn vị gửi toàn bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đã tổng hợp của đơn vị về các Khoa có chương trình được đánh giá để các Khoa tổng hợp và viết báo cáo.	Trưởng các đơn vị
2.3	02/8÷30/8/2021	- Tổng hợp phiếu báo cáo từ các đơn vị; - Viết dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT theo mẫu quy định; - Gửi dự thảo báo cáo lấy ý kiến; - Hoàn thiện dự thảo và gửi Hội đồng tự đánh giá.	- Khoa Điện-Điện tử; - Khoa Cơ khí; - Khoa DL-TM; - Khoa CNSH-CNMT.
3	Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá		
3.1	1/9÷09/9/2021	- Họp Hội đồng tự đánh giá lần 2; - Thông qua báo cáo tự đánh giá;	Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT.
3.2	10/9/2021	- Các Hội đồng trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt báo cáo tự đánh giá CTĐT 15 nghề đang tổ chức đào tạo năm 2021.	Thư ký các Hội đồng Chủ tịch Hội đồng.

b) Thời gian công bố báo cáo kết quả tự đánh giá:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1	14/9÷21/9/2021	Gửi bản cứng và file mềm báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT 15 nghề đã phê duyệt về phòng BĐCL-KT.	Thư ký các Hội đồng
2	22/9÷01/10/2021	Lập báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT 15 nghề theo mẫu quy định trình Chủ tịch phê duyệt.	Phạm Minh Hoàng; Nguyễn Văn Lực.
3	04/10/2021	Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng.	Hiệu trưởng
4	20/10/2021	- Gửi báo cáo về Sở Lao động-Thương binh & Xã hội tỉnh Khánh Hòa;	- Nguyễn Thị Anh Thư - Phòng TC-HC.

		- Gửi báo cáo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp).	
--	--	---	--

1.2. Kết quả tự đánh giá

a) Tổng số điểm tự đánh giá: **96 điểm**

b) Tự đánh giá chất lượng: Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT theo quy định do Bộ LĐTBXH ban hành.

c) Bảng tổng hợp chi tiết điểm tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề CGK
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo
	Tổng điểm	100	96
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính.	6	6
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
1.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo.	14	14
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề CGK
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề ĐT.	2	2
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học lập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên.	16	16
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành,	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề CGK
	nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.		
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình.	24	22
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề CGK
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	0
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
4.12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.	16	14
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề CGK
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	0
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2
6	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	8	8
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo: quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề CGK
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề CGK
	nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.		

2. Tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Công nghệ thông tin (CTT):

- Trình độ: Cao đẳng;
- Cấp độ: Quốc tế.

2.1. Thời gian thực hiện tự đánh giá

a) Thời gian thực hiện tự đánh giá:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1	Công tác chuẩn bị		
1.1	03/5÷/07/5/2021	Thành lập các Hội đồng tự đánh giá chất lượng 15 CTĐT.	Nguyễn Thị Anh Thu Nguyễn Văn Lực.
1.2	08/5÷11/5/2021	- Lập kế hoạch phân công các nội dung, các hướng dẫn tự đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, thời gian hoàn thành. - Chuẩn bị và gửi các biểu mẫu đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn đến các đơn vị.	Phạm Minh Hoàng
1.3	12/5÷15/5/2021	Các đơn vị lập kế hoạch, phân công cụ thể họ tên từng thành viên phụ trách;	Trưởng các đơn vị
1.3	17/5/2021	Các đơn vị Gửi kế hoạch về cô Thu (phòng BĐCL-KT) để tổng hợp trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt.	Nguyễn Thị Anh Thu Nguyễn Văn Lực.
2	Thực hiện tự đánh giá chất lượng 15 CTĐT		
2.1	18/5÷26/7/2021	Các đơn vị thực hiện theo kế hoạch của đơn vị đã được ban hành: - Tổ chức thu thập, phân tích thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được; - Lập phiếu báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn gửi về trường đơn vị để tổng hợp; - Họp Hội đồng tự đánh giá lần 1;	Các cá nhân đã được phân công theo kế hoạch của đơn vị.

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
		- Hội đồng tự đánh giá tổ chức kiểm tra, đôn đốc.	
2.2	27/7÷31/7/2021	Trưởng các đơn vị gửi toàn bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đã tổng hợp của đơn vị về các Khoa có chương trình được đánh giá để các Khoa tổng hợp và viết báo cáo.	Trưởng các đơn vị
2.3	02/8÷30/8/2021	- Tổng hợp phiếu báo cáo từ các đơn vị; - Viết dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT theo mẫu quy định; - Gửi dự thảo báo cáo lấy ý kiến; - Hoàn thiện dự thảo và gửi Hội đồng tự đánh giá.	- Khoa Điện-Điện tử; - Khoa Cơ khí; - Khoa DL-TM; - Khoa CNSH-CNMT.
3	Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá		
3.1	1/9÷09/9/2021	- Họp Hội đồng tự đánh giá lần 2; - Thông qua báo cáo tự đánh giá;	Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT.
3.2	10/9/2021	Các Hội đồng trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt báo cáo TĐG CTĐT 15 nghề đang tổ chức đào tạo năm 2021.	Thư ký các Hội đồng Chủ tịch Hội đồng.

b) Thời gian công bố báo cáo kết quả tự đánh giá:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1	14/9÷21/9/2021	Gửi bản cứng và file mềm báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT 15 nghề đã phê duyệt về phòng BĐCL-KT.	Thư ký các Hội đồng
2	22/9÷01/10/2021	Lập báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT 15 nghề theo mẫu quy định trình Chủ tịch phê duyệt.	Phạm Minh Hoàng; Nguyễn Văn Lực.
3	04/10/2021	Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng.	Hiệu trưởng
4	20/10/2021	- Gửi báo cáo về Sở Lao động-Thương binh & Xã hội tỉnh Khánh Hòa;	- Nguyễn Thị Anh Thư

		- Gửi báo cáo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp).	- Phòng TC-HC.
--	--	---	----------------

2.2. Kết quả tự đánh giá

a) Tổng số điểm tự đánh giá: **96 điểm**

b) Tự đánh giá chất lượng: Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT theo quy định do Bộ LĐTBXH ban hành.

c) Bảng tổng hợp chi tiết điểm tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề CTT
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo
	Tổng điểm	100	96
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính.	6	6
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
1.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo.	14	14
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề CTT
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên.	16	16
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề CTT
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình.	24	22
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề CTT
	học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.		
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	0
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
4.12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.	16	14
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề CTT
	đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.		
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	0
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2
6	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	8	8
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo: quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong học tập.	2	2
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề CTT
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề CTT
	ngành của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.		

3. Tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Điện công nghiệp (ĐCN):

- Trình độ: Cao đẳng;
- Cấp độ: Khu vực.

3.1. Thời gian thực hiện tự đánh giá

a) Thời gian thực hiện tự đánh giá:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1	Công tác chuẩn bị		
1.1	03/5÷/07/5/2021	Thành lập các Hội đồng tự đánh giá chất lượng 15 CTĐT.	Nguyễn Thị Anh Thu Nguyễn Văn Lục.
1.2	08/5÷11/5/2021	- Lập kế hoạch phân công các nội dung, các hướng dẫn tự đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, thời gian hoàn thành. - Chuẩn bị và gửi các biểu mẫu đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn đến các đơn vị.	Phạm Minh Hoàng
1.3	12/5÷15/5/2021	Các đơn vị lập kế hoạch, phân công cụ thể họ tên từng thành viên phụ trách;	Trưởng các đơn vị
1.3	17/5/2021	Các đơn vị Gửi kế hoạch về cô Thu (phòng BDCL-KT) để tổng hợp trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt.	Nguyễn Thị Anh Thu Nguyễn Văn Lục.
2	Thực hiện tự đánh giá chất lượng 15 CTĐT		
2.1	18/5÷26/7/2021	Các đơn vị thực hiện theo kế hoạch của đơn vị đã được ban hành: - Tổ chức thu thập, phân tích thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được; - Lập phiếu báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn gửi về trưởng đơn vị để tổng hợp; - Họp Hội đồng tự đánh giá lần 1;	Các cá nhân đã được phân công theo kế hoạch của đơn vị.

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
		- Hội đồng tự đánh giá tổ chức kiểm tra, đôn đốc.	
2.2	27/7÷31/7/2021	Trưởng các đơn vị gửi toàn bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đã tổng hợp của đơn vị về các Khoa có chương trình được đánh giá để các Khoa tổng hợp và viết báo cáo.	Trưởng các đơn vị
2.3	02/8÷30/8/2021	- Tổng hợp phiếu báo cáo từ các đơn vị; - Viết dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT theo mẫu quy định; - Gửi dự thảo báo cáo lấy ý kiến; - Hoàn thiện dự thảo và gửi Hội đồng tự đánh giá.	- Khoa Điện-Điện tử; - Khoa Cơ khí; - Khoa DL-TM; - Khoa CNSH-CNMT.
3	Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá		
3.1	1/9÷09/9/2021	- Họp Hội đồng tự đánh giá lần 2; - Thông qua báo cáo tự đánh giá;	Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT.
3.2	10/9/2021	Các Hội đồng trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt báo cáo tự đánh giá CTĐT 15 nghề đang tổ chức đào tạo năm 2021.	Thư ký các Hội đồng Chủ tịch Hội đồng.

b) Thời gian công bố báo cáo kết quả tự đánh giá:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1	14/9÷21/9/2021	Gửi bản cứng và file mềm báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT 15 nghề đã phê duyệt về phòng BĐCL-KT.	Thư ký các Hội đồng
2	22/9÷01/10/2021	Lập báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT 15 nghề theo mẫu quy định trình Chủ tịch phê duyệt.	Phạm Minh Hoàng; Nguyễn Văn Lực.
3	04/10/2021	Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng.	Hiệu trưởng
4	20/10/2021	- Gửi báo cáo về Sở Lao động-Thương binh & Xã hội tỉnh Khánh Hòa;	- Nguyễn Thị Anh Thư - Phòng TC-HC.

		- Gửi báo cáo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp).	
--	--	---	--

3.2. Kết quả tự đánh giá

a) Tổng số điểm tự đánh giá: **96 điểm**

b) Tự đánh giá chất lượng: Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT theo quy định do Bộ LĐTBXH ban hành.

c) Bảng tổng hợp chi tiết điểm tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề ĐCN
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo
	Tổng điểm	100	96
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính.	6	6
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
1.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo.	14	14
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề ĐCN
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên.	16	16
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề ĐCN
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình.	24	22
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề ĐCN
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	0
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
4.12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.	16	14
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo	2	0

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề ĐCN
	trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.		
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2
6	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	8	8
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo: quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề ĐCN
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

4. Tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (MLĐ):

- Trình độ: Cao đẳng;
- Cấp độ: Khu vực.

4.1. Thời gian thực hiện tự đánh giá

a) Thời gian thực hiện tự đánh giá:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1	Công tác chuẩn bị		
1.1	03/5÷/07/5/2021	Thành lập các Hội đồng tự đánh giá chất lượng 15 CTĐT.	Nguyễn Thị Anh Thư Nguyễn Văn Lực.
1.2	08/5÷11/5/2021	- Lập kế hoạch phân công các nội dung, các hướng dẫn tự đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, thời gian hoàn thành. - Chuẩn bị và gửi các biểu mẫu đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn đến các đơn vị.	Phạm Minh Hoàng
1.3	12/5÷15/5/2021	Các đơn vị lập kế hoạch, phân công cụ thể họ tên từng thành viên phụ trách;	Trưởng các đơn vị
1.3	17/5/2021	Các đơn vị Gửi kế hoạch về cô Thư (phòng BĐCL-KT) để tổng hợp trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt.	Nguyễn Thị Anh Thư Nguyễn Văn Lực.
2	Thực hiện tự đánh giá chất lượng 15 CTĐT		
2.1	18/5÷26/7/2021	Các đơn vị thực hiện theo kế hoạch của đơn vị đã được ban hành: - Tổ chức thu thập, phân tích thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được; - Lập phiếu báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn gửi về trường đơn vị để tổng hợp; - Họp Hội đồng tự đánh giá lần 1; - Hội đồng tự đánh giá tổ chức kiểm tra, đôn đốc.	Các cá nhân đã được phân công theo kế hoạch của đơn vị.
2.2	27/7÷31/7/2021	Trưởng các đơn vị gửi toàn bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đã tổng hợp của đơn vị về các Khoa có chương trình được đánh giá để các Khoa tổng hợp và viết báo cáo.	Trưởng các đơn vị
2.3	02/8÷30/8/2021	- Tổng hợp phiếu báo cáo từ các đơn vị; - Viết dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT theo mẫu quy định; - Gửi dự thảo báo cáo lấy ý kiến;	- Khoa Điện-Điện tử; - Khoa Cơ khí; - Khoa DL-TM; - Khoa CNSH-CNMT.

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
		- Hoàn thiện dự thảo và gửi Hội đồng tự đánh giá.	
3	Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá		
3.1	1/9÷09/9/2021	- Họp Hội đồng tự đánh giá lần 2; - Thông qua báo cáo tự đánh giá;	Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT.
3.2	10/9/2021	- Các Hội đồng trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt báo cáo tự đánh giá CTĐT 15 nghề đang tổ chức đào tạo năm 2021.	Thư ký các Hội đồng Chủ tịch Hội đồng.

b) Thời gian công bố báo cáo kết quả tự đánh giá:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1	14/9÷21/9/2021	Gửi bản cứng và file mềm báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT 15 nghề đã phê duyệt về phòng BĐCL-KT.	Thư ký các Hội đồng
2	22/9÷01/10/2021	Lập báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT 15 nghề theo mẫu quy định trình Chủ tịch phê duyệt.	Phạm Minh Hoàng; Nguyễn Văn Lực.
3	04/10/2021	Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng.	Hiệu trưởng
4	20/10/2021	- Gửi báo cáo về Sở Lao động-Thương binh & Xã hội tỉnh Khánh Hòa; - Gửi báo cáo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp).	- Nguyễn Thị Anh Thu - Phòng TC-HC.

4.2. Kết quả tự đánh giá

a) Tổng số điểm tự đánh giá: **96 điểm**

b) Tự đánh giá chất lượng: Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT theo quy định do Bộ LĐTĐ ban hành.

c) Bảng tổng hợp chi tiết điểm tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề MLD
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo
	Tổng điểm	100	96
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính.	6	6
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
1.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo.	14	14
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề MLD
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề ĐT	2	2
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học lập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên.	16	16
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề MLD
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình.	24	22
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	0

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề MLD
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
4.12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.	16	14
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề MLD
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	0
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2
6	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	8	8
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo: quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề MLD
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

5. Tự đánh giá chất lượng CTĐT tạo nghề Công nghệ ô tô (COT):

- Trình độ: Cao đẳng;

- Cấp độ: Khu vực.

5.1. Thời gian thực hiện tự đánh giá

a) Thời gian thực hiện tự đánh giá:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1	Công tác chuẩn bị		
1.1	03/5÷/07/5/2021	Thành lập các Hội đồng tự đánh giá chất lượng 15 CTĐT.	Nguyễn Thị Anh Thu Nguyễn Văn Lực.
1.2	08/5÷11/5/2021	- Lập kế hoạch phân công các nội dung, các hướng dẫn tự đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, thời gian hoàn thành. - Chuẩn bị và gửi các biểu mẫu đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn đến các đơn vị.	Phạm Minh Hoàng
1.3	12/5÷15/5/2021	Các đơn vị lập kế hoạch, phân công cụ thể họ tên từng thành viên phụ trách;	Trưởng các đơn vị
1.3	17/5/2021	Các đơn vị Gửi kế hoạch về cô Thu (phòng BĐCL-KT) để tổng hợp trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt.	Nguyễn Thị Anh Thu Nguyễn Văn Lực.
2	Thực hiện tự đánh giá chất lượng 15 CTĐT		
2.1	18/5÷26/7/2021	Các đơn vị thực hiện theo kế hoạch của đơn vị đã được ban hành: - Tổ chức thu thập, phân tích thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được; - Lập phiếu báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn gửi về trưởng đơn vị để tổng hợp; - Họp Hội đồng tự đánh giá lần 1; - Hội đồng tự đánh giá tổ chức kiểm tra, đôn đốc.	Các cá nhân đã được phân công theo kế hoạch của đơn vị.
2.2	27/7÷31/7/2021	Trưởng các đơn vị gửi toàn bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đã tổng hợp của đơn vị về các Khoa có chương trình được đánh giá để các Khoa tổng hợp và viết báo cáo.	Trưởng các đơn vị
2.3	02/8÷30/8/2021	- Tổng hợp phiếu báo cáo từ các đơn vị;	- Khoa Điện-Điện tử;

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
		- Viết dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT theo mẫu quy định; - Gửi dự thảo báo cáo lấy ý kiến; - Hoàn thiện dự thảo và gửi Hội đồng tự đánh giá.	- Khoa Cơ khí; - Khoa DL-TM; - Khoa CNSH-CNMT.
3	Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá		
3.1	1/9÷09/9/2021	- Họp Hội đồng tự đánh giá lần 2; - Thông qua báo cáo tự đánh giá;	Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT.
3.2	10/9/2021	- Các Hội đồng trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt báo cáo tự đánh giá CTĐT 15 nghề đang tổ chức đào tạo năm 2021.	Thư ký các Hội đồng Chủ tịch Hội đồng.

b) Thời gian công bố báo cáo kết quả tự đánh giá:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1	14/9÷21/9/2021	Gửi bản cứng và file mềm báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT 15 nghề đã phê duyệt về phòng BĐCL-KT.	Thư ký các Hội đồng
2	22/9÷01/10/2021	Lập báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT 15 nghề theo mẫu quy định trình Chủ tịch phê duyệt.	Phạm Minh Hoàng; Nguyễn Văn Lực.
3	04/10/2021	Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng.	Hiệu trưởng
4	20/10/2021	- Gửi báo cáo về Sở Lao động-Thương binh & Xã hội tỉnh Khánh Hòa; - Gửi báo cáo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp).	- Nguyễn Thị Anh Thư - Phòng TC-HC.

5.2. Kết quả tự đánh giá

a) Tổng số điểm tự đánh giá: **96 điểm**

b) Tự đánh giá chất lượng: Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT theo quy định do Bộ LĐTBXH ban hành.

c) Bảng tổng hợp chi tiết điểm tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTDĐT nghề COT
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo
	Tổng điểm	100	96
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính.	6	6
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
1.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo.	14	14
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề COT
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học lập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên.	16	16
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề COT
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình.	24	22
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	0

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề COT
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
4.12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.	16	14
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham	2	0

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTDĐT nghề COT
	khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.		
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2
6	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	8	8
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo: quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề COT
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

6. Tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Kỹ thuật chế biến món ăn (CMA):

- Trình độ: Cao đẳng;
- Cấp độ: Khu vực.

6.1. Thời gian thực hiện tự đánh giá

a) Thời gian thực hiện tự đánh giá:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1	Công tác chuẩn bị		
1.1	03/5÷/07/5/2021	Thành lập các Hội đồng tự đánh giá chất lượng 15 CTĐT.	Nguyễn Thị Anh Thư Nguyễn Văn Lực.
1.2	08/5÷11/5/2021	- Lập kế hoạch phân công các nội dung, các hướng dẫn tự đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, thời gian hoàn thành. - Chuẩn bị và gửi các biểu mẫu đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn đến các đơn vị.	Phạm Minh Hoàng
1.3	12/5÷15/5/2021	Các đơn vị lập kế hoạch, phân công cụ thể họ tên từng thành viên phụ trách;	Trưởng các đơn vị
1.3	17/5/2021	Các đơn vị Gửi kế hoạch về cô Thư (phòng BĐCL-KT) để tổng hợp trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt.	Nguyễn Thị Anh Thư Nguyễn Văn Lực.
2	Thực hiện tự đánh giá chất lượng 15 CTĐT		
2.1	18/5÷26/7/2021	Các đơn vị thực hiện theo kế hoạch của đơn vị đã được ban hành: - Tổ chức thu thập, phân tích thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được; - Lập phiếu báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn gửi về trường đơn vị để tổng hợp; - Họp Hội đồng tự đánh giá lần 1; - Hội đồng tự đánh giá tổ chức kiểm tra, đôn đốc.	Các cá nhân đã được phân công theo kế hoạch của đơn vị.
2.2	27/7÷31/7/2021	Trưởng các đơn vị gửi toàn bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đã tổng hợp của đơn vị về các Khoa có chương trình được đánh giá để các Khoa tổng hợp và viết báo cáo.	Trưởng các đơn vị
2.3	02/8÷30/8/2021	- Tổng hợp phiếu báo cáo từ các đơn vị; - Viết dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT theo mẫu quy định; - Gửi dự thảo báo cáo lấy ý kiến;	- Khoa Điện-Điện tử; - Khoa Cơ khí; - Khoa DL-TM; - Khoa CNSH-CNMT.

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
		- Hoàn thiện dự thảo và gửi Hội đồng tự đánh giá.	
3	Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá		
3.1	1/9÷09/9/2021	- Họp Hội đồng tự đánh giá lần 2; - Thông qua báo cáo tự đánh giá;	Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT.
3.2	10/9/2021	- Các Hội đồng trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt báo cáo tự đánh giá CTĐT 15 nghề đang tổ chức đào tạo năm 2021.	Thư ký các Hội đồng Chủ tịch Hội đồng.

b) Thời gian công bố báo cáo kết quả tự đánh giá:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1	14/9÷21/9/2021	Gửi bản cứng và file mềm báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT 15 nghề đã phê duyệt về phòng BĐCL-KT.	Thư ký các Hội đồng
2	22/9÷01/10/2021	Lập báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT 15 nghề theo mẫu quy định trình Chủ tịch phê duyệt.	Phạm Minh Hoàng; Nguyễn Văn Lực.
3	04/10/2021	Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng.	Hiệu trưởng
4	20/10/2021	- Gửi báo cáo về Sở Lao động-Thương binh & Xã hội tỉnh Khánh Hòa; - Gửi báo cáo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp).	- Nguyễn Thị Anh Thư - Phòng TC-HC.

6.2. Kết quả tự đánh giá

a) Tổng số điểm tự đánh giá: **94 điểm**

b) Tự đánh giá chất lượng: Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT.

c) Bảng tổng hợp chi tiết điểm tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề CMA
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo
	Tổng điểm	100	94
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính.	6	6
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
1.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo.	14	14
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề CMA
	dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.		
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học lập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên.	16	16
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề CMA
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình.	24	22
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	0
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề CMA
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
4.12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.	16	12
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp	2	0

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề CMA
	với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.		
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	0
6	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	8	8
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo: quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề CMA
	đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.		
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

7. Tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Quản trị khách sạn (QKS):

- Trình độ: Cao đẳng;
- Cấp độ: Quốc gia.

7.1. Thời gian thực hiện tự đánh giá

a) Thời gian thực hiện tự đánh giá:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1	Công tác chuẩn bị		

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1.1	03/5÷/07/5/2021	Thành lập các Hội đồng tự đánh giá chất lượng 15 CTĐT.	Nguyễn Thị Anh Thu Nguyễn Văn Lực.
1.2	08/5÷11/5/2021	- Lập kế hoạch phân công các nội dung, các hướng dẫn tự đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, thời gian hoàn thành. - Chuẩn bị và gửi các biểu mẫu đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn đến các đơn vị.	Phạm Minh Hoàng
1.3	12/5÷15/5/2021	Các đơn vị lập kế hoạch, phân công cụ thể họ tên từng thành viên phụ trách;	Trưởng các đơn vị
1.3	17/5/2021	Các đơn vị Gửi kế hoạch về cô Thu (phòng BĐCL-KT) để tổng hợp trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt.	Nguyễn Thị Anh Thu Nguyễn Văn Lực.
2	Thực hiện tự đánh giá chất lượng 15 CTĐT		
2.1	18/5÷26/7/2021	Các đơn vị thực hiện theo kế hoạch của đơn vị đã được ban hành: - Tổ chức thu thập, phân tích thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được; - Lập phiếu báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn gửi về trưởng đơn vị để tổng hợp; - Họp Hội đồng tự đánh giá lần 1; - Hội đồng tự đánh giá tổ chức kiểm tra, đôn đốc.	Các cá nhân đã được phân công theo kế hoạch của đơn vị.
2.2	27/7÷31/7/2021	Trưởng các đơn vị gửi toàn bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đã tổng hợp của đơn vị về các Khoa có chương trình được đánh giá để các Khoa tổng hợp và viết báo cáo.	Trưởng các đơn vị
2.3	02/8÷30/8/2021	- Tổng hợp phiếu báo cáo từ các đơn vị; - Viết dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT theo mẫu quy định; - Gửi dự thảo báo cáo lấy ý kiến; - Hoàn thiện dự thảo và gửi Hội đồng tự đánh giá.	- Khoa Điện-Điện tử; - Khoa Cơ khí; - Khoa DL-TM; - Khoa CNSH-CNMT.

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
3	Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá		
3.1	1/9÷09/9/2021	- Họp Hội đồng tự đánh giá lần 2; - Thông qua báo cáo tự đánh giá;	Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT.
3.2	10/9/2021	- Các Hội đồng trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt báo cáo tự đánh giá CTĐT 15 nghề đang tổ chức đào tạo năm 2021.	Thư ký các Hội đồng Chủ tịch Hội đồng.

b) Thời gian công bố báo cáo kết quả tự đánh giá:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1	14/9÷21/9/2021	Gửi bản cứng và file mềm báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT 15 nghề đã phê duyệt về phòng BĐCL-KT.	Thư ký các Hội đồng
2	22/9÷01/10/2021	Lập báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT 15 nghề theo mẫu quy định trình Chủ tịch phê duyệt.	Phạm Minh Hoàng; Nguyễn Văn Lực.
3	04/10/2021	Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng.	Hiệu trưởng
4	20/10/2021	- Gửi báo cáo về Sở Lao động-Thương binh & Xã hội tỉnh Khánh Hòa; - Gửi báo cáo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp).	- Nguyễn Thị Anh Thu - Phòng TC-HC.

7.2. Kết quả tự đánh giá

a) Tổng số điểm tự đánh giá: **96 điểm**

b) Tự đánh giá chất lượng: Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT theo quy định do Bộ LĐTBXH ban hành.

c) Bảng tổng hợp chi tiết điểm tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề QKS
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo
	Tổng điểm	100	96
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính.	6	6
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
1.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo.	14	14
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề QKS
	dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.		
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học lập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên.	16	16
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề QKS
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình.	24	22
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	0
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề QKS
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
4.12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.	16	14
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp	2	0

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề QKS
	với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.		
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2
6	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	8	8
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo: quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề QKS
	đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.		
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

II. TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 08 NGHỀ KHÔNG TRỌNG ĐIỂM

1. Tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Điện tử công nghiệp (ĐTC) trình độ Cao đẳng

1.1. Thời gian thực hiện tự đánh giá

a) Thời gian thực hiện tự đánh giá:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1	Công tác chuẩn bị		
1.1	03/5÷/07/5/2021	Thành lập các Hội đồng tự đánh giá chất lượng 15 CTĐT.	Nguyễn Thị Anh Thư Nguyễn Văn Lực.
1.2	08/5÷11/5/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Lập kế hoạch phân công các nội dung, các hướng dẫn tự đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, thời gian hoàn thành. - Chuẩn bị và gửi các biểu mẫu đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn đến các đơn vị. 	Phạm Minh Hoàng
1.3	12/5÷15/5/2021	Các đơn vị lập kế hoạch, phân công cụ thể họ tên từng thành viên phụ trách;	Trưởng các đơn vị
1.3	17/5/2021	Các đơn vị Gửi kế hoạch về cô Thư (phòng BĐCL-KT) để tổng hợp trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt.	Nguyễn Thị Anh Thư Nguyễn Văn Lực.
2	Thực hiện tự đánh giá chất lượng 15 CTĐT		
2.1	18/5÷26/7/2021	<p>Các đơn vị thực hiện theo kế hoạch của đơn vị đã được ban hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức thu thập, phân tích thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được; - Lập phiếu báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn gửi về trưởng đơn vị để tổng hợp; - Họp Hội đồng tự đánh giá lần 1; - Hội đồng tự đánh giá tổ chức kiểm tra, đôn đốc. 	Các cá nhân đã được phân công theo kế hoạch của đơn vị.
2.2	27/7÷31/7/2021	Trưởng các đơn vị gửi toàn bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đã tổng hợp của đơn vị về các Khoa có chương trình được đánh giá để các Khoa tổng hợp và viết báo cáo.	Trưởng các đơn vị
2.3	02/8÷30/8/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp phiếu báo cáo từ các đơn vị; - Viết dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT theo mẫu quy định; - Gửi dự thảo báo cáo lấy ý kiến; 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa Điện-Điện tử; - Khoa Cơ khí; - Khoa DL-TM; - Khoa CNSH-CNMT.

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
		- Hoàn thiện dự thảo và gửi Hội đồng tự đánh giá.	
3	Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá		
3.1	1/9÷09/9/2021	- Họp Hội đồng tự đánh giá lần 2; - Thông qua báo cáo tự đánh giá;	Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT.
3.2	10/9/2021	- Các Hội đồng trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt báo cáo tự đánh giá CTĐT 15 nghề đang tổ chức đào tạo năm 2021.	Thư ký các Hội đồng Chủ tịch Hội đồng.

b) Thời gian công bố báo cáo kết quả tự đánh giá:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1	14/9÷21/9/2021	Gửi bản cứng và file mềm báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT 15 nghề đã phê duyệt về phòng BĐCL-KT.	Thư ký các Hội đồng
2	22/9÷01/10/2021	Lập báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT 15 nghề theo mẫu quy định trình Chủ tịch phê duyệt.	Phạm Minh Hoàng; Nguyễn Văn Lực.
3	04/10/2021	Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng.	Hiệu trưởng
4	20/10/2021	- Gửi báo cáo về Sở Lao động-Thương binh & Xã hội tỉnh Khánh Hòa; - Gửi báo cáo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp).	- Nguyễn Thị Anh Thư - Phòng TC-HC.

1.2. Kết quả tự đánh giá

a) Tổng số điểm tự đánh giá: **86 điểm**

b) Tự đánh giá chất lượng: Chưa đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT theo quy định do Bộ LĐTĐ ban hành. Do tiêu chí 7 có tổng số điểm không đạt tiêu chuẩn

c) Bảng tổng hợp chi tiết điểm tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề ĐTC
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Chưa đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo
	Tổng điểm	100	86
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính.	6	6
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
1.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo.	14	14
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề ĐTC
	dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.		
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên.	16	16
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề ĐTC
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình.	24	22
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	0
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề ĐTC
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
4.12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.	16	14
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp	2	0

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề ĐTC
	với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.		
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2
6	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	8	8
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo: quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
26.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	16	6
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	0
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở	2	0

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề ĐTC
	đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.		
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	0
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	0
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	0

2. Tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng (KXD) trình độ Cao đẳng

1.1. Thời gian thực hiện tự đánh giá

a) Thời gian thực hiện tự đánh giá:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1	Công tác chuẩn bị		
1.1	03/5÷/07/5/2021	Thành lập các Hội đồng tự đánh giá chất lượng 15 CTĐT.	Nguyễn Thị Anh Thư

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
			Nguyễn Văn Lực.
1.2	08/5÷11/5/2021	- Lập kế hoạch phân công các nội dung, các hướng dẫn tự đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, thời gian hoàn thành. - Chuẩn bị và gửi các biểu mẫu đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn đến các đơn vị.	Phạm Minh Hoàng
1.3	12/5÷15/5/2021	Các đơn vị lập kế hoạch, phân công cụ thể họ tên từng thành viên phụ trách;	Trưởng các đơn vị
1.3	17/5/2021	Các đơn vị Gửi kế hoạch về cô Thư (phòng BĐCL-KT) để tổng hợp trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt.	Nguyễn Thị Anh Thư Nguyễn Văn Lực.
2	Thực hiện tự đánh giá chất lượng 15 CTĐT		
2.1	18/5÷26/7/2021	Các đơn vị thực hiện theo kế hoạch của đơn vị đã được ban hành: - Tổ chức thu thập, phân tích thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được; - Lập phiếu báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn gửi về trưởng đơn vị để tổng hợp; - Họp Hội đồng tự đánh giá lần 1; - Hội đồng tự đánh giá tổ chức kiểm tra, đôn đốc.	Các cá nhân đã được phân công theo kế hoạch của đơn vị.
2.2	27/7÷31/7/2021	Trưởng các đơn vị gửi toàn bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đã tổng hợp của đơn vị về các Khoa có chương trình được đánh giá để các Khoa tổng hợp và viết báo cáo.	Trưởng các đơn vị
2.3	02/8÷30/8/2021	- Tổng hợp phiếu báo cáo từ các đơn vị; - Viết dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT theo mẫu quy định; - Gửi dự thảo báo cáo lấy ý kiến; - Hoàn thiện dự thảo và gửi Hội đồng tự đánh giá.	- Khoa Điện-Điện tử; - Khoa Cơ khí; - Khoa DL-TM; - Khoa CNSH-CNMT.
3	Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá		

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
3.1	1/9÷09/9/2021	- Họp Hội đồng tự đánh giá lần 2; - Thông qua báo cáo tự đánh giá;	Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT.
3.2	10/9/2021	- Các Hội đồng trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt báo cáo tự đánh giá CTĐT 15 nghề đang tổ chức đào tạo năm 2021.	Thư ký các Hội đồng Chủ tịch Hội đồng.

b) Thời gian công bố báo cáo kết quả tự đánh giá:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1	14/9÷21/9/2021	Gửi bản cứng và file mềm báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT 15 nghề đã phê duyệt về phòng BĐCL-KT.	Thư ký các Hội đồng
2	22/9÷01/10/2021	Lập báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT 15 nghề theo mẫu quy định trình Chủ tịch phê duyệt.	Phạm Minh Hoàng; Nguyễn Văn Lực.
3	04/10/2021	Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng.	Hiệu trưởng
4	20/10/2021	- Gửi báo cáo về Sở Lao động-Thương binh & Xã hội tỉnh Khánh Hòa; - Gửi báo cáo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp).	- Nguyễn Thị Anh Thu - Phòng TC-HC.

1.2. Kết quả tự đánh giá

a) Tổng số điểm tự đánh giá: 96 điểm

b) Tự đánh giá chất lượng: Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT theo quy định do Bộ LĐTBXH ban hành.

c) Bảng tổng hợp chi tiết điểm tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề KXD
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề KXD
	Tổng điểm	100	96
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính.	6	6
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
1.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo.	14	14
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề KXD
	ngành đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.		
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên.	16	16
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề KXD
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình.	24	22
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	0
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề KXD
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
4.12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.	16	14
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp	2	0

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề KXD
	với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.		
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2
6	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	8	8
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo: quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
26.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề KXD
	đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.		
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

3. Tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Hướng dẫn du lịch (HDL) trình độ Cao đẳng

1.1. Thời gian thực hiện tự đánh giá

a) Thời gian thực hiện tự đánh giá:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1	Công tác chuẩn bị		

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1.1	03/5÷/07/5/2021	Thành lập các Hội đồng tự đánh giá chất lượng 15 CTĐT.	Nguyễn Thị Anh Thu Nguyễn Văn Lực.
1.2	08/5÷11/5/2021	- Lập kế hoạch phân công các nội dung, các hướng dẫn tự đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, thời gian hoàn thành. - Chuẩn bị và gửi các biểu mẫu đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn đến các đơn vị.	Phạm Minh Hoàng
1.3	12/5÷15/5/2021	Các đơn vị lập kế hoạch, phân công cụ thể họ tên từng thành viên phụ trách;	Trưởng các đơn vị
1.3	17/5/2021	Các đơn vị Gửi kế hoạch về cô Thu (phòng BĐCL-KT) để tổng hợp trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt.	Nguyễn Thị Anh Thu Nguyễn Văn Lực.
2	Thực hiện tự đánh giá chất lượng 15 CTĐT		
2.1	18/5÷26/7/2021	Các đơn vị thực hiện theo kế hoạch của đơn vị đã được ban hành: - Tổ chức thu thập, phân tích thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được; - Lập phiếu báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn gửi về trưởng đơn vị để tổng hợp; - Họp Hội đồng tự đánh giá lần 1; - Hội đồng tự đánh giá tổ chức kiểm tra, đôn đốc.	Các cá nhân đã được phân công theo kế hoạch của đơn vị.
2.2	27/7÷31/7/2021	Trưởng các đơn vị gửi toàn bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đã tổng hợp của đơn vị về các Khoa có chương trình được đánh giá để các Khoa tổng hợp và viết báo cáo.	Trưởng các đơn vị
2.3	02/8÷30/8/2021	- Tổng hợp phiếu báo cáo từ các đơn vị; - Viết dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT theo mẫu quy định; - Gửi dự thảo báo cáo lấy ý kiến; - Hoàn thiện dự thảo và gửi Hội đồng tự đánh giá.	- Khoa Điện-Điện tử; - Khoa Cơ khí; - Khoa DL-TM; - Khoa CNSH-CNMT.

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
3	Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá		
3.1	1/9÷09/9/2021	- Họp Hội đồng tự đánh giá lần 2; - Thông qua báo cáo tự đánh giá;	Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT.
3.2	10/9/2021	- Các Hội đồng trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt báo cáo tự đánh giá CTĐT 15 nghề đang tổ chức đào tạo năm 2021.	Thư ký các Hội đồng Chủ tịch Hội đồng.

b) Thời gian công bố báo cáo kết quả tự đánh giá:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1	14/9÷21/9/2021	Gửi bản cứng và file mềm báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT 15 nghề đã phê duyệt về phòng BĐCL-KT.	Thư ký các Hội đồng
2	22/9÷01/10/2021	Lập báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT 15 nghề theo mẫu quy định trình Chủ tịch phê duyệt.	Phạm Minh Hoàng; Nguyễn Văn Lực.
3	04/10/2021	Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng.	Hiệu trưởng
4	20/10/2021	- Gửi báo cáo về Sở Lao động-Thương binh & Xã hội tỉnh Khánh Hòa; - Gửi báo cáo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp).	- Nguyễn Thị Anh Thư - Phòng TC-HC.

1.2. Kết quả tự đánh giá

a) Tổng số điểm tự đánh giá: **90 điểm**

b) Tự đánh giá chất lượng: Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT theo quy định do Bộ LĐTBXH ban hành.

c) Bảng tổng hợp chi tiết điểm tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề HDL
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo
	Tổng điểm	100	90
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính.	6	6
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
1.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo.	14	12
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề HDL
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	0
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên.	16	14
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	0
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề HDL
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình.	24	22
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp.	2	2
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	0
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề HDL
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
4.12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.	16	12
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp	2	0

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề HDL
	với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.		
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	0
6	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	8	8
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo: quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề HDL
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

4. Tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Chế biến thực phẩm (CTP) trình độ Cao đẳng

1.1. Thời gian thực hiện tự đánh giá

a) Thời gian thực hiện tự đánh giá:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1	Công tác chuẩn bị		
1.1	03/5÷/07/5/2021	Thành lập các Hội đồng tự đánh giá chất lượng 15 CTĐT.	Nguyễn Thị Anh Thư Nguyễn Văn Lực.
1.2	08/5÷11/5/2021	- Lập kế hoạch phân công các nội dung, các hướng dẫn tự đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, thời gian hoàn thành. - Chuẩn bị và gửi các biểu mẫu đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn đến các đơn vị.	Phạm Minh Hoàng
1.3	12/5÷15/5/2021	Các đơn vị lập kế hoạch, phân công cụ thể họ tên từng thành viên phụ trách;	Trưởng các đơn vị
1.3	17/5/2021	Các đơn vị Gửi kế hoạch về cô Thư (phòng BĐCL-KT) để tổng hợp trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt.	Nguyễn Thị Anh Thư Nguyễn Văn Lực.
2	Thực hiện tự đánh giá chất lượng 15 CTĐT		
2.1	18/5÷26/7/2021	Các đơn vị thực hiện theo kế hoạch của đơn vị đã được ban hành: - Tổ chức thu thập, phân tích thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được; - Lập phiếu báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn gửi về trường đơn vị để tổng hợp; - Họp Hội đồng tự đánh giá lần 1; - Hội đồng tự đánh giá tổ chức kiểm tra, đôn đốc.	Các cá nhân đã được phân công theo kế hoạch của đơn vị.
2.2	27/7÷31/7/2021	Trưởng các đơn vị gửi toàn bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đã tổng hợp của đơn vị về các Khoa có chương trình được đánh giá để các Khoa tổng hợp và viết báo cáo.	Trưởng các đơn vị
2.3	02/8÷30/8/2021	- Tổng hợp phiếu báo cáo từ các đơn vị; - Viết dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT theo mẫu quy định; - Gửi dự thảo báo cáo lấy ý kiến;	- Khoa Điện-Điện tử; - Khoa Cơ khí; - Khoa DL-TM; - Khoa CNSH-CNMT.

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
		- Hoàn thiện dự thảo và gửi Hội đồng tự đánh giá.	
3	Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá		
3.1	1/9÷09/9/2021	- Họp Hội đồng tự đánh giá lần 2; - Thông qua báo cáo tự đánh giá;	Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT.
3.2	10/9/2021	- Các Hội đồng trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt báo cáo tự đánh giá CTĐT 15 nghề đang tổ chức đào tạo năm 2021.	Thư ký các Hội đồng Chủ tịch Hội đồng.

b) Thời gian công bố báo cáo kết quả tự đánh giá:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1	14/9÷21/9/2021	Gửi bản cứng và file mềm báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT 15 nghề đã phê duyệt về phòng BĐCL-KT.	Thư ký các Hội đồng
2	22/9÷01/10/2021	Lập báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT 15 nghề theo mẫu quy định trình Chủ tịch phê duyệt.	Phạm Minh Hoàng; Nguyễn Văn Lực.
3	04/10/2021	Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng.	Hiệu trưởng
4	20/10/2021	- Gửi báo cáo về Sở Lao động-Thương binh & Xã hội tỉnh Khánh Hòa; - Gửi báo cáo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp).	- Nguyễn Thị Anh Thư - Phòng TC-HC.

1.2. Kết quả tự đánh giá

a) Tổng số điểm tự đánh giá: **94 điểm**

b) Tự đánh giá chất lượng: Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT theo quy định do Bộ LĐTBXH ban hành.

c) Bảng tổng hợp chi tiết điểm tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề CTP
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo
	Tổng điểm	100	94
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính.	6	6
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
1.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo.	14	14
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
22.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề CTP
	dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.		
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học lập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên.	16	16
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề CTP
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình.	24	20
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	0
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	0

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề CTP
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
4.12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.	16	14
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của CTĐT	2	2
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp	2	0

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề CTP
	với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.		
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2
6	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	8	8
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo: quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề CTP
	đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.		
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

5. Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kế toán doanh nghiệp (KDN) trình độ Cao đẳng

1.1. Thời gian thực hiện tự đánh giá

a) Thời gian thực hiện tự đánh giá:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1	Công tác chuẩn bị		

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1.1	03/5÷/07/5/2021	Thành lập các Hội đồng tự đánh giá chất lượng 15 CTĐT.	Nguyễn Thị Anh Thu Nguyễn Văn Lực.
1.2	08/5÷11/5/2021	- Lập kế hoạch phân công các nội dung, các hướng dẫn tự đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, thời gian hoàn thành. - Chuẩn bị và gửi các biểu mẫu đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn đến các đơn vị.	Phạm Minh Hoàng
1.3	12/5÷15/5/2021	Các đơn vị lập kế hoạch, phân công cụ thể họ tên từng thành viên phụ trách;	Trưởng các đơn vị
1.3	17/5/2021	Các đơn vị Gửi kế hoạch về cô Thu (phòng BĐCL-KT) để tổng hợp trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt.	Nguyễn Thị Anh Thu Nguyễn Văn Lực.
2	Thực hiện tự đánh giá chất lượng 15 CTĐT		
2.1	18/5÷26/7/2021	Các đơn vị thực hiện theo kế hoạch của đơn vị đã được ban hành: - Tổ chức thu thập, phân tích thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được; - Lập phiếu báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn gửi về trưởng đơn vị để tổng hợp; - Họp Hội đồng tự đánh giá lần 1; - Hội đồng tự đánh giá tổ chức kiểm tra, đôn đốc.	Các cá nhân đã được phân công theo kế hoạch của đơn vị.
2.2	27/7÷31/7/2021	Trưởng các đơn vị gửi toàn bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đã tổng hợp của đơn vị về các Khoa có chương trình được đánh giá để các Khoa tổng hợp và viết báo cáo.	Trưởng các đơn vị
2.3	02/8÷30/8/2021	- Tổng hợp phiếu báo cáo từ các đơn vị; - Viết dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT theo mẫu quy định; - Gửi dự thảo báo cáo lấy ý kiến; - Hoàn thiện dự thảo và gửi Hội đồng tự đánh giá.	- Khoa Điện-Điện tử; - Khoa Cơ khí; - Khoa DL-TM; - Khoa CNSH-CNMT.

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
3	Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá		
3.1	1/9÷09/9/2021	- Họp Hội đồng tự đánh giá lần 2; - Thông qua báo cáo tự đánh giá;	Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT.
3.2	10/9/2021	- Các Hội đồng trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt báo cáo tự đánh giá CTĐT 15 nghề đang tổ chức đào tạo năm 2021.	Thư ký các Hội đồng Chủ tịch Hội đồng.

b) Thời gian công bố báo cáo kết quả tự đánh giá:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1	14/9÷21/9/2021	Gửi bản cứng và file mềm báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT 15 nghề đã phê duyệt về phòng BĐCL-KT.	Thư ký các Hội đồng
2	22/9÷01/10/2021	Lập báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT 15 nghề theo mẫu quy định trình Chủ tịch phê duyệt.	Phạm Minh Hoàng; Nguyễn Văn Lực.
3	04/10/2021	Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng.	Hiệu trưởng
4	20/10/2021	- Gửi báo cáo về Sở Lao động-Thương binh & Xã hội tỉnh Khánh Hòa; - Gửi báo cáo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp).	- Nguyễn Thị Anh Thu - Phòng TC-HC.

1.2. Kết quả tự đánh giá

a) Tổng số điểm tự đánh giá: **94 điểm**

b) Tự đánh giá chất lượng: Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT theo quy định do Bộ LĐTBXH ban hành.

c) Bảng tổng hợp chi tiết điểm tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề KDN
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo
	Tổng điểm	100	94
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính.	6	6
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
1.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo.	14	14
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề KDN
	dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.		
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên.	16	14
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	0
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề KDN
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình.	24	22
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	0
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề KDN
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
4.12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.	16	14
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của CTĐT	2	2
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp	2	0

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề KDN
	với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.		
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2
6	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	8	8
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo: quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề KDN
	đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.		
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

6. Tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Quản trị nhà hàng (QNH) trình độ Cao đẳng

1.1. Thời gian thực hiện tự đánh giá

a) Thời gian thực hiện tự đánh giá:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1	Công tác chuẩn bị		

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1.1	03/5÷/07/5/2021	Thành lập các Hội đồng tự đánh giá chất lượng 15 CTĐT.	Nguyễn Thị Anh Thu Nguyễn Văn Lực.
1.2	08/5÷11/5/2021	- Lập kế hoạch phân công các nội dung, các hướng dẫn tự đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, thời gian hoàn thành. - Chuẩn bị và gửi các biểu mẫu đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn đến các đơn vị.	Phạm Minh Hoàng
1.3	12/5÷15/5/2021	Các đơn vị lập kế hoạch, phân công cụ thể họ tên từng thành viên phụ trách;	Trưởng các đơn vị
1.3	17/5/2021	Các đơn vị Gửi kế hoạch về cô Thu (phòng BĐCL-KT) để tổng hợp trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt.	Nguyễn Thị Anh Thu Nguyễn Văn Lực.
2	Thực hiện tự đánh giá chất lượng 15 CTĐT		
2.1	18/5÷26/7/2021	Các đơn vị thực hiện theo kế hoạch của đơn vị đã được ban hành: - Tổ chức thu thập, phân tích thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được; - Lập phiếu báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn gửi về trưởng đơn vị để tổng hợp; - Họp Hội đồng tự đánh giá lần 1; - Hội đồng tự đánh giá tổ chức kiểm tra, đôn đốc.	Các cá nhân đã được phân công theo kế hoạch của đơn vị.
2.2	27/7÷31/7/2021	Trưởng các đơn vị gửi toàn bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đã tổng hợp của đơn vị về các Khoa có chương trình được đánh giá để các Khoa tổng hợp và viết báo cáo.	Trưởng các đơn vị
2.3	02/8÷30/8/2021	- Tổng hợp phiếu báo cáo từ các đơn vị; - Viết dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT theo mẫu quy định; - Gửi dự thảo báo cáo lấy ý kiến; - Hoàn thiện dự thảo và gửi Hội đồng tự đánh giá.	- Khoa Điện-Điện tử; - Khoa Cơ khí; - Khoa DL-TM; - Khoa CNSH-CNMT.

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
3	Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá		
3.1	1/9÷09/9/2021	- Họp Hội đồng tự đánh giá lần 2; - Thông qua báo cáo tự đánh giá;	Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT.
3.2	10/9/2021	- Các Hội đồng trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt báo cáo tự đánh giá CTĐT 15 nghề đang tổ chức đào tạo năm 2021.	Thư ký các Hội đồng Chủ tịch Hội đồng.

b) Thời gian công bố báo cáo kết quả tự đánh giá:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1	14/9÷21/9/2021	Gửi bản cứng và file mềm báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT 15 nghề đã phê duyệt về phòng BĐCL-KT.	Thư ký các Hội đồng
2	22/9÷01/10/2021	Lập báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT 15 nghề theo mẫu quy định trình Chủ tịch phê duyệt.	Phạm Minh Hoàng; Nguyễn Văn Lực.
3	04/10/2021	Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng.	Hiệu trưởng
4	20/10/2021	- Gửi báo cáo về Sở Lao động-Thương binh & Xã hội tỉnh Khánh Hòa; - Gửi báo cáo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp).	- Nguyễn Thị Anh Thu - Phòng TC-HC.

1.2. Kết quả tự đánh giá

a) Tổng số điểm tự đánh giá: **90 điểm**

b) Tự đánh giá chất lượng: b) Tự đánh giá chất lượng: Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT theo quy định do Bộ LĐTBXH ban hành.

c) Bảng tổng hợp chi tiết điểm tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề QNH
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo
	Tổng điểm	100	90
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính.	6	6
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
1.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo.	14	10
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	0
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề QNH
	dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.		
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học lập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	0
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên.	16	14
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	0
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề QNH
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình.	24	22
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	0
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề QNH
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
4.12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.	16	14
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề QNH
	với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.		
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	0
6	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	8	8
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo: quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề QNH
	làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.		
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

7. Tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Điện dân dụng (ĐDD) trình độ trung cấp

1.1. Thời gian thực hiện tự đánh giá

a) Thời gian thực hiện tự đánh giá:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1	Công tác chuẩn bị		

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1.1	03/5÷/07/5/2021	Thành lập các Hội đồng tự đánh giá chất lượng 15 CTĐT.	Nguyễn Thị Anh Thu Nguyễn Văn Lực.
1.2	08/5÷11/5/2021	- Lập kế hoạch phân công các nội dung, các hướng dẫn tự đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, thời gian hoàn thành. - Chuẩn bị và gửi các biểu mẫu đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn đến các đơn vị.	Phạm Minh Hoàng
1.3	12/5÷15/5/2021	Các đơn vị lập kế hoạch, phân công cụ thể họ tên từng thành viên phụ trách;	Trưởng các đơn vị
1.3	17/5/2021	Các đơn vị Gửi kế hoạch về cô Thu (phòng BĐCL-KT) để tổng hợp trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt.	Nguyễn Thị Anh Thu Nguyễn Văn Lực.
2	Thực hiện tự đánh giá chất lượng 15 CTĐT		
2.1	18/5÷26/7/2021	Các đơn vị thực hiện theo kế hoạch của đơn vị đã được ban hành: - Tổ chức thu thập, phân tích thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được; - Lập phiếu báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn gửi về trưởng đơn vị để tổng hợp; - Họp Hội đồng tự đánh giá lần 1; - Hội đồng tự đánh giá tổ chức kiểm tra, đôn đốc.	Các cá nhân đã được phân công theo kế hoạch của đơn vị.
2.2	27/7÷31/7/2021	Trưởng các đơn vị gửi toàn bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đã tổng hợp của đơn vị về các Khoa có chương trình được đánh giá để các Khoa tổng hợp và viết báo cáo.	Trưởng các đơn vị
2.3	02/8÷30/8/2021	- Tổng hợp phiếu báo cáo từ các đơn vị; - Viết dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT theo mẫu quy định; - Gửi dự thảo báo cáo lấy ý kiến; - Hoàn thiện dự thảo và gửi Hội đồng tự đánh giá.	- Khoa Điện-Điện tử; - Khoa Cơ khí; - Khoa DL-TM; - Khoa CNSH-CNMT.

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
3	Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá		
3.1	1/9÷09/9/2021	- Họp Hội đồng tự đánh giá lần 2; - Thông qua báo cáo tự đánh giá;	Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT.
3.2	10/9/2021	- Các Hội đồng trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt báo cáo tự đánh giá CTĐT 15 nghề đang tổ chức đào tạo năm 2021.	Thư ký các Hội đồng Chủ tịch Hội đồng.

b) Thời gian công bố báo cáo kết quả tự đánh giá:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1	14/9÷21/9/2021	Gửi bản cứng và file mềm báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT 15 nghề đã phê duyệt về phòng BDCL-KT.	Thư ký các Hội đồng
2	22/9÷01/10/2021	Lập báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT 15 nghề theo mẫu quy định trình Chủ tịch phê duyệt.	Phạm Minh Hoàng; Nguyễn Văn Lực.
3	04/10/2021	Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng.	Hiệu trưởng
4	20/10/2021	- Gửi báo cáo về Sở Lao động-Thương binh & Xã hội tỉnh Khánh Hòa; - Gửi báo cáo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp).	- Nguyễn Thị Anh Thư - Phòng TC-HC.

1.2. Kết quả tự đánh giá

a) Tổng số điểm tự đánh giá: **90 điểm**

b) Tự đánh giá chất lượng: Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT theo quy định do Bộ LĐTBXH ban hành.

c) Bảng tổng hợp chi tiết điểm tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề ĐDD
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo
	Tổng điểm	100	94
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính.	6	6
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
1.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo.	14	12
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề ĐDD
	dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.		
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	0
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên.	16	14
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	0
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề ĐDD
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình.	24	22
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	0
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề ĐDD
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
4.12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.	16	14
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề ĐDD
	với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.		
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	0
6	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	8	8
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo: quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề ĐDD
	làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.		
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

8. Tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Nghiệp vụ nhà hàng (NNH) trình độ trung cấp

1.1. Thời gian thực hiện tự đánh giá

a) Thời gian thực hiện tự đánh giá:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1	Công tác chuẩn bị		

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1.1	03/5÷/07/5/2021	Thành lập các Hội đồng tự đánh giá chất lượng 15 CTĐT.	Nguyễn Thị Anh Thu Nguyễn Văn Lực.
1.2	08/5÷11/5/2021	- Lập kế hoạch phân công các nội dung, các hướng dẫn tự đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, thời gian hoàn thành. - Chuẩn bị và gửi các biểu mẫu đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn đến các đơn vị.	Phạm Minh Hoàng
1.3	12/5÷15/5/2021	Các đơn vị lập kế hoạch, phân công cụ thể họ tên từng thành viên phụ trách;	Trưởng các đơn vị
1.3	17/5/2021	Các đơn vị Gửi kế hoạch về cô Thu (phòng BĐCL-KT) để tổng hợp trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt.	Nguyễn Thị Anh Thu Nguyễn Văn Lực.
2	Thực hiện tự đánh giá chất lượng 15 CTĐT		
2.1	18/5÷26/7/2021	Các đơn vị thực hiện theo kế hoạch của đơn vị đã được ban hành: - Tổ chức thu thập, phân tích thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được; - Lập phiếu báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn gửi về trưởng đơn vị để tổng hợp; - Họp Hội đồng tự đánh giá lần 1; - Hội đồng tự đánh giá tổ chức kiểm tra, đôn đốc.	Các cá nhân đã được phân công theo kế hoạch của đơn vị.
2.2	27/7÷31/7/2021	Trưởng các đơn vị gửi toàn bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đã tổng hợp của đơn vị về các Khoa có chương trình được đánh giá để các Khoa tổng hợp và viết báo cáo.	Trưởng các đơn vị
2.3	02/8÷30/8/2021	- Tổng hợp phiếu báo cáo từ các đơn vị; - Viết dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT theo mẫu quy định; - Gửi dự thảo báo cáo lấy ý kiến; - Hoàn thiện dự thảo và gửi Hội đồng tự đánh giá.	- Khoa Điện-Điện tử; - Khoa Cơ khí; - Khoa DL-TM; - Khoa CNSH-CNMT.

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
3	Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá		
3.1	1/9÷09/9/2021	- Họp Hội đồng tự đánh giá lần 2; - Thông qua báo cáo tự đánh giá;	Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT.
3.2	10/9/2021	- Các Hội đồng trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt báo cáo tự đánh giá CTĐT 15 nghề đang tổ chức đào tạo năm 2021.	Thư ký các Hội đồng Chủ tịch Hội đồng.

b) Thời gian công bố báo cáo kết quả tự đánh giá:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị/cá nhân thực hiện
1	14/9÷21/9/2021	Gửi bản cứng và file mềm báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT 15 nghề đã phê duyệt về phòng BĐCL-KT.	Thư ký các Hội đồng
2	22/9÷01/10/2021	Lập báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT 15 nghề theo mẫu quy định trình Chủ tịch phê duyệt.	Phạm Minh Hoàng; Nguyễn Văn Lực.
3	04/10/2021	Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng.	Hiệu trưởng
4	20/10/2021	- Gửi báo cáo về Sở Lao động-Thương binh & Xã hội tỉnh Khánh Hòa; - Gửi báo cáo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp).	- Nguyễn Thị Anh Thu - Phòng TC-HC.

1.2. Kết quả tự đánh giá

a) Tổng số điểm tự đánh giá: **88 điểm**

b) Tự đánh giá chất lượng: Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT.

c) Bảng tổng hợp chi tiết điểm tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề NNH
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo
	Tổng điểm	100	88
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính.	6	6
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
1.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo.	14	10
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	0
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề NNH
	dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.		
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học lập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	0
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên.	16	14
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	0
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề NNH
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình.	24	22
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	0
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề NNH
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
4.12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.	16	14
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề NNH
	với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.		
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	0
6	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	8	8
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo: quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở	2	2

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá chất CTĐT nghề NNH
	đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.		
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

C. ĐỀ XUẤT, KHUYẾN NGHỊ

1. Đề xuất:

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có số nghề tự đánh giá từ 2 trở lên, nội dung báo cáo ở mục “1.2. Kết quả tự đánh giá” nên tổng hợp thành 1 bảng vì tên các tiêu chí, tiêu chuẩn giữa các nghề là như nhau nhằm:

- Rút ngắn số trang báo cáo;
- Tiện so sánh điểm đánh giá giữa các tiêu chuẩn của các nghề.

2. Khuyến nghị: Không./.

Nơi nhận:

- TCGDNN (để b/c);
- Sở LĐ-TBXH tỉnh Khánh Hòa (để b/c);
- UBND tỉnh Khánh Hòa (để b/c);
- Lưu: VT, BĐCL-KT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Lực